

LỊCH HỌC THỰC HÀNH

(TUẦN: 33 - Từ ngày 02 tháng 04 đến ngày 08 tháng 04 năm 2018)

ĐƠN VỊ: TT Cơ khí

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Mã lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học																Giáo viên	Ghi chú
								Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN					
								2/4/2018		3/4/2018		4/4/2018		5/4/2018		6/4/2018		7/4/2018		8/4/2018					
								Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng				
1	ĐH	K10	102.16	102016	1		TH.CG2								1	T1	1	T1			Trần Trung Hiếu				
2	ĐH	K10	102.16	102016	2		TH.CG2								1	T3	1	T3			Trần Ngọc Tân				
3	ĐH	K10	102.2	102002	1		TH.CG2	2	T2	2	T2										Vũ Văn Khiêm				
4	ĐH	K10	102.2	102002	2		TH.CG2	2	T1	2	T1										Trần Trung Hiếu				
5	ĐH	K10	102.7	102007	1		TH.CG2					2	BX	2	BX						Đỗ Hồng Việt				
6	ĐH	K10	102.7	102007	2		TH.CG2					2	P2	2	P2						Hoàng Văn Nam				
7	ĐH	K10	102.15	102015	1		TH.CG2								2	P2	2	P2			Hoàng Văn Nam				
8	ĐH	K10	102.15	102015	2		TH.CG2								2	BX	2	BX			Đỗ Hồng Việt				
9	ĐH	K10	102.3	102003	1		TH.CG2	2	P1	2	P1										Trần Ngọc Hiền				
10	ĐH	K10	102.3	102003	2		TH.CG2	2	BX	2	BX										Đỗ Hồng Việt				
11	ĐH	K10	102.12	102012	1		TH.CG2								1	P2	1	P2			Hoàng Văn Nam				
12	ĐH	K10	102.12	102012	2		TH.CG2								1	BX	1	BX			Đỗ Hồng Việt				
13	ĐH	K10	102.1	102001	1		TH.CG2	1	P1	1	P1										Trần Ngọc Hiền				
14	ĐH	K10	102.1	102001	2		TH.CG2	1	P2	1	P2										Hoàng Văn Nam				
15	ĐH	K10	102.8	102008	1		TH.CG2					3	BX	3	BX						Đỗ Hồng Việt				
16	ĐH	K10	102.8	102008	2		TH.CG2					3	P1	3	P1						Trần Ngọc Hiền				
17	ĐH	K10	102.4	102004	1		TH.CG2	1	T1	1	T1										Trần Trung Hiếu				
18	ĐH	K10	102.4	102004	2		TH.CG2	1	T2	1	T2										Vũ Văn Khiêm				
19	ĐH	K10	102.13	102013	1		TH.CG2								2	T2	2	T2			Vũ Văn Khiêm				
20	ĐH	K10	102.13	102013	2		TH.CG2								2	T1	2	T1			Trần Trung Hiếu				
21	ĐH	K10	102.11	102011	1		TH.CG2					3	T3	3	T3						Trần Ngọc Tân				
22	ĐH	K10	102.11	102011	2		TH.CG2					3	T1	3	T1						Trần Trung Hiếu				
23	ĐH	K10	102.14	102014	1		TH.CG2								3	T3	3	T3			Trần Ngọc Tân				
24	ĐH	K10	102.14	102014	2		TH.CG2								3	T2	3	T2			Vũ Văn Khiêm				

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Mã lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học														Giáo viên	Ghi chú
								Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN			
								2/4/2018		3/4/2018		4/4/2018		5/4/2018		6/4/2018		7/4/2018		8/4/2018			
								Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
25	ĐH	K10	102.9	102009	1		TH.CG2					2	T2	2	T2							Vũ Văn Khiêm	
26	ĐH	K10	102.9	102009	2		TH.CG2					2	T1	2	T1							Trần Trung Hiếu	
27	ĐH	K10	102.10	102010	1		TH.CG2					1	P1	1	P1							Trần Ngọc Hiền	
28	ĐH	K10	102.10	102010	2		TH.CG2					1	BX	1	BX							Đỗ Hồng Việt	
29	ĐH	K10	105.3	105003	1		TH. CNC			1	cnc											Lê Quang Lâm	
30	ĐH	K10	105.3	105003	2		TH. CNC			1	cnc											Cao thể anh	
31	ĐH	K10	105.4	105004	1		TH. CNC			3	cnc											Lê Quang Lâm	
32	ĐH	K10	105.4	105004	2		TH. CNC			3	cnc											Cao thể anh	
33	ĐH	K10	105.2	105002	1		TH. CNC									1	cnc					Đặng Xuân Thao	X-CD
34	ĐH	K10	105.2	105002	2		TH. CNC									3	cnc					Đặng Xuân Thao	X-CD
35	ĐH	K10	105.5	105005	1		TH. CNC									2	cnc					Lê Quang Lâm	
36	ĐH	K10	105.5	105005	2		TH. CNC									2	cnc					Cao thể anh	
37	ĐH	K10	105.12	105012	1		TH. CNC											3	cnc			Lê Quang Lâm	
38	ĐH	K10	105.12	105012	2		TH. CNC							3	cnc							Cao thể anh	
39	ĐH	K10	105.6	105006	1		TH. CNC							2	cnc							Lê Quang Lâm	
40	ĐH	K10	105.6	105006	2		TH. CNC							2	cnc							Cao thể anh	
41	ĐH	K10	105.7	105007	1		TH. CNC							2	cnc							Đặng Xuân Thao	X-CD
42	ĐH	K10	105.7	105007	2		TH. CNC							3	cnc							Đặng Xuân Thao	X-CD
43	ĐH	K10	105.10	105010	1		TH. CNC	3	cnc					1	cnc							Lê Quang Lâm	
44	ĐH	K10	105.10	105010	2		TH. CNC							1	cnc							Cao thể anh	
45	ĐH	K10	105.1	105001	1		TH. CNC			2	cnc											Lê Quang Lâm	
46	ĐH	K10	105.1	105001	2		TH. CNC			2	cnc											Cao thể anh	
47	CĐ	K19	CK3		1		TH. CG	2	P2	2	P2	1	P2	1	P2	3	P2	3	P2			Hoàng Văn Nam	
48	CĐ	K19	CK3		2		TH. CG	1	BX	1	BX					3	BX	3	BX	1-2	BX	Đỗ Hồng Việt	
49	CĐ	K19	CK3		3		TH. CG			3	P1	2	P1	2	P1	1	P1	1	P1	1	P1	Trần Ngọc Hiền	
50	CĐ	K19	CK4		1		TH. CG	3	T2	3	T2	1	T2	1	T2	1	T2	1	T2			Vũ Văn Khiêm	
51	CĐ	K19	CK4		2		TH. CG	2	T3	2	T3	2	T3	2	T3	2	T3	2	T3			Trần Ngọc Tân	
52	CĐ	K19	CK4		3		TH. CG	1	T4	1	T4	1	T4	1	T4	1	T4	1	T4			Lê Đăng Hà	Tiện

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Mã lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học												Giáo viên	Ghi chú		
								Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7				CN	
								2/4/2018		3/4/2018		4/4/2018		5/4/2018		6/4/2018		7/4/2018				8/4/2018	
								Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng			Ca	Phòng
53	CĐN	K9	CGKL1		1		X-CD					1	xung	1	xung			1	xung			Đặng Xuân Thao	X-CD
54	CĐN	K9	CGKL1		2		X-CD					2	xung			2	xung	2	xung			Đặng Xuân Thao	X-CD
55	CĐN	K9	CGKL1		3		X-CD											3	T1	1-2	T1	Trần Trung Hiếu	
56	CĐN	K10	CGKL1		1		T- P CNC	3	cnc			1-2	cnc			1	cnc					Cao thể anh	
57	CĐN	K10	CGKL1		2		T- P CNC	1	cnc			3	cnc	3	cnc	1	cnc	2	cnc	1	cnc	Lê Quang Lâm	
58	LET CO	K18	CẮT GỌT		1		TH.CG	2	P3	2	P3	2	P3	2	P3	2	P3					Lê Đăng Hà	
59	ĐH	10	CĐT2		1	30	TH nguội											3	SC2			Đặng X. Thao	Ca 8
60	ĐH	10	CĐT4		1	25	TH nguội													1	SC2	Bùi Sơn Hải	Ca 10
61	ĐH	10	CK1 CLC		1	16	TH nguội							2	SC2	2	SC2			2	SC2	Bùi Sơn Hải	Ca 13,14,15
62	CĐ	18	Cơ điện 1		1	20	THSC	2	SC2	2	SC2	3	SC2									Bùi Sơn Hải	Ca 12,13,14
63	CĐ	18	Cơ điện 4		1	20	THSC	2,3	SC1	3	SC1											Vũ Đình Cửu	Ca 11,12,13
64	CĐ	18	Cơ điện 7		1	20	THSC	3	SC2	3	SC2			3	SC2							Bùi Sơn Hải	Ca 12,13,14
65	CĐ	18	Cơ điện 8		1	20	THSC					3	SC1	3	SC1					1	SC1	Vũ Đình Cửu	Ca 9,10,11
66	CĐ	18	Cơ điện 6		1	20	THSC	3	SC3	3	SC3	3	SC3	3	SC3	1	SC3					Chu Anh Tuấn	12,13,14,15,16
67	NH	17	Letco		1	17	TH nguội	1	SC1	1	SC1	1	SC1	1	SC1	1	SC1					Vũ Đình Cửu	Tuần 4
68					2	18	TH nguội	1	SC2	1	SC2	1	SC2	1	SC2	1	SC2	1	SC2				